

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: DUNG DỊCH NATRI SUNFAT (SODIUM SULFATE SOLUTION) 1 M

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất (IUPAC / quốc tế):** Sodium Sulfate Solution
- Tên khác:** Na₂SO₄ solution
- CAS:** 7757-82-6
- Công thức:** Na₂SO₄ trong H₂O
- Dạng:** Dung dịch trong suốt, không màu
- Sử dụng đã định:** Thuốc thử trong phòng thí nghiệm, xử lý hóa chất, sản xuất công nghiệp
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - Không phân loại là nguy hại (dung dịch loãng)
- Biểu tượng GHS:** Không yêu cầu
- Câu cảnh báo nguy hiểm:** Không áp dụng
- Câu phòng ngừa:** Mang găng tay và kính bảo hộ khi thao tác phòng ngừa chung

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Tỷ lệ
Sodium sulfate (Na ₂ SO ₄)	7757-82-6	1 M (~14.2% w/v)
Nước (H ₂ O)	7732-18-5	Phần còn lại

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Không cần biện pháp đặc biệt, đưa ra nơi thoáng khí nếu có bụi
- Tiếp xúc da:** Rửa vùng tiếp xúc với nhiều nước
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt với nước ít nhất 15 phút nếu tiếp xúc
- Nuốt phải:** Uống nhiều nước, theo dõi y tế nếu cần

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Dung dịch không cháy
- Sử dụng bình bột khô, CO₂, bọt hoặc nước xung quanh nếu cháy các vật khác
- Bảo hộ cơ bản: găng tay, kính bảo hộ

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Thu gom dung dịch tràn vào thùng chứa thích hợp
- Xả ra môi trường theo quy định
- Tránh tiếp xúc trực tiếp với lượng lớn

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm hoặc nơi thông gió tốt
- Bảo quản:** Nơi khô, mát, tránh bụi và ánh sáng trực tiếp
- Không tương thích:** Chất khử mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Hô hấp:** Không cần biện pháp đặc biệt cho dung dịch loãng

- **Tay:** Găng tay bảo hộ
- **Mắt:** Kính bảo hộ
- **Da:** Quần áo bảo hộ

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Dung dịch lỏng
Màu sắc	Không màu
Mùi	Không mùi
Tan trong nước	Tan hoàn toàn
pH (1 M)	~6–8
Mật độ	~1.2 g/mL

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình thường
- Tránh nhiệt độ cao và chất khử mạnh
- Không có phản ứng nguy hiểm đáng kể

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, uống): > 2800 mg/kg (ít độc)
- Không gây kích ứng nghiêm trọng

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Không độc hại nghiêm trọng với môi trường
- Không tích lũy sinh học
- Hòa tan trong nước, phân hủy tự nhiên

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom dung dịch, cho vào thùng chứa thích hợp
- Xử lý theo quy định địa phương

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không yêu cầu (không nguy hiểm)
- **Loại nguy hiểm:** Không áp dụng
- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
- Là hóa chất ít nguy hại, dung dịch 1 M

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: Sigma-Aldrich SDS, PubChem
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế